

ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC, CẢNH QUAN VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN KIM HỖ TỈNH BẮC KẠN

Đồng Thanh Hải, Phùng Văn Phê
Trường Đại học Lâm nghiệp

Từ khóa: Đa dạng sinh học, cảnh quan, du lịch sinh thái, Kim Hỷ, Bắc Kạn

TÓM TẮT

Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ thuộc Huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, điển hình cho hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi miền Bắc Việt Nam, được đánh giá có tính đa dạng cao về thành phần loài động thực vật, và nhiều thắng cảnh đẹp. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái (DLST). Nghiên cứu đã kết hợp nhiều phương pháp như: phỏng vấn, thu thập tài liệu thứ cấp, điều tra theo tuyến để thu thập số liệu. Kết quả đã xác định được các nhóm thực vật và động vật, và 10 dạng cảnh quan có tiềm năng phát triển DLST tại khu bảo tồn (KBT). Nghiên cứu đã phân tích được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và định hướng phát triển DLST cho KBT. Thiết kế được 4 tuyến chính và 2 tuyến kết nối cho du lịch dã ngoại thiên nhiên - thám hiểm kết hợp với tham quan tìm hiểu văn hóa địa phương. Năm giải pháp chính để phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tạo điều kiện cho người dân nghèo trong và ngoài KBT cải thiện đời sống: Giải pháp về quản lý, giải pháp về cơ chế chính sách, về đào tạo, về tiếp thị và giải pháp về hợp tác đầu tư.

Assessment of biodiversity, landscapes and potential ecotourism development in Kim Hy Nature Reserve, Bac Kan province

Keywords: Biodiversity, landscapes, ecotourism, Kim Hy Nature Reserve, Bac Kan

Kim Hy nature reserve located in Na Ri District, Bac Kan Province, typical of forest ecosystems on limestone in Northern Vietnam, is considered to have a high diversity of plant and animal species composition, and beautiful landscapes. These are favorable conditions for the development of ecotourism. Research has combined several methods such as interviewing, line transects to collect data. The results show that several potential group of plants and animals, and 10 landscapes for ecotourism were identified in the reserve.

The study has analyzed the strengths, weaknesses, opportunities, challenges and development orientations for protected area ecotourism. Four (4) main tourist routes and 2 connective tourist routes were developed for nature tourist excursions, nature-explorer tour combined with local cultural understanding. Five key solutions are recommended for developing ecotourism combined with conservation of biodiversity in order to create conditions for livelihood improvement for reserve and local communities living in and outside the reserve including management, solutions for policy mechanisms and training, marketing, investment.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái đang được phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam, đặc biệt là tại các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia. Những lợi ích của du lịch sinh thái được thể hiện thông qua việc góp phần nâng cao nhận thức của cả du khách lẫn người dân địa phương về bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển sinh kế bền vững cho địa phương và định hướng những hành động của người dân theo chiều hướng có lợi cho bảo vệ thiên nhiên (Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên 2006; Vương Văn Quỳnh, 2002; Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2011; Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2010; Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2006).

KBTTN Kim Hỷ trực thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, với tổng diện tích là 14.772ha là nơi bảo tồn hàng trăm loài động, thực vật quý hiếm của Việt Nam (Đỗ Quang Huy, 2013) Với đặc điểm là hệ thống núi đá vôi, thiên nhiên đã ban tặng cho KBT nhiều thắng cảnh đẹp như Động Nàng Tiên, Hồ Huổi Khe,... có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch sinh thái. Tuy nhiên, các điểm này vẫn chưa được khai thác đúng mức nhằm tạo điều kiện phát triển cho KBT và cải thiện đời sống cho cộng đồng sống trong và xung quanh KBT (UBND tỉnh Bắc Kạn, 2010; UBND huyện Na Rì, 2010). Do vậy, việc đánh giá đa dạng sinh học, cảnh quan và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ - tỉnh Bắc Kạn là rất cần thiết.

Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát các cảnh quan sinh thái như (hang động, tuyến đường, thác nước,...) có tiềm năng về du lịch sinh thái; đề xuất các tuyến có giá trị về bảo tồn đa dạng sinh học cho KBT Kim Hỷ gắn với khai thác lợi thế để phát triển du lịch thám hiểm, du lịch sinh thái.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp phỏng vấn

Phỏng vấn được thực hiện trên các nhóm đối tượng là các cán bộ xã và người dân trong các xã thuộc KBT. Tổng số có 70 cá nhân được phỏng vấn. Việc phỏng vấn được thực hiện thông qua biểu phỏng vấn (bảng câu hỏi) được thiết kế chung cho các đối tượng. Bảng câu hỏi tập trung vào việc xác định các cảnh quan tự nhiên (hang động, thác nước,...) và các loài động thực vật có tiềm năng cho việc phát triển DLST cũng như đánh giá hiện trạng các hoạt động du lịch và lấy ý kiến của các đối tượng được phỏng vấn về các khu vực, địa điểm ở địa phương có thể được sử dụng phục vụ du lịch và đề xuất của họ về các tuyến du lịch tiềm năng ở địa phương.

2.2. Phương pháp điều tra thực địa

Tuyến và điểm điều tra được sử dụng để đánh giá hiện trạng tài nguyên DLST và xác định các tuyến DLST tiềm năng làm cơ sở cho đề xuất các khuyến nghị và phát triển DLST bền vững. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, các hoạt động điều tra được tiến hành tại phân khu phục hồi sinh thái và vùng đệm KBTTN Kim Hỷ.

+ Tổng 4 tuyến được thiết kế dựa trên cơ sở các khu vực có tiềm năng về DLST. Các thông tin cần thu thập trên tuyến bao gồm các điểm phân bố động vật như chim và thú, cảnh quan đặc sắc và các loài thực vật có giá trị thẩm mỹ.

+ Điều tra các điểm tiềm năng về du lịch: Các điểm được điều tra bao gồm các hang động và thác nước có tiềm năng thu hút du lịch như: Hang Thấp Hang Cao (Thuộc xã Cao Sơn), Hang Minh Tinh (Kim Hỷ), Hang Khuổi Sao (Xã Kim Hỷ), Hang Lũng Chang (Thảm Mu), Thác Nà Đăng,... Tại các điểm, tiến hành mô tả các đặc điểm tiềm năng thu hút du lịch.

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu định tính và định lượng được thu thập trong quá trình phỏng vấn, điều tra thực địa, tài liệu thứ cấp được tổng hợp và tính toán bằng các phần mềm chuyên dụng: Excel, SPSS. Bản đồ các tuyến du lịch tiềm năng được xây dựng bằng phần mềm MapInfo 10.5.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tiềm năng tài nguyên sinh vật và các giá trị cảnh quan của KBT Kim Hỷ

Tài nguyên thực vật

Tài nguyên thực vật của KBT rất phong phú. Theo kết quả điều tra mới nhất cho thấy KBT Kim Hỷ có 1072 loài thực vật bậc cao có mạch, thuộc 608 chi của 172 họ và 5 ngành thực vật. Thành phần các loài thực vật rừng KBT được thống kê trong bảng 1.

Bảng 1. Thành phần loài thực vật rừng KBTTN Kim Hỷ

TT	Ngành thực vật	Số họ TV	Số chi TV	Số loài TV
1	Thông đất (Lycopodiophyta)	2	3	15
2	Mộc tặc (Equisetophyta)	1	1	1
3	Dương xỉ (Polypodiophyta)	24	44	77
4	Hạt trần (Pinophyta)	5	7	8
5	Ngọc lan (Magnoliophyta)	140	553	971
	<i>Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)</i>	113	447	768
	<i>Lớp Hành (Liliopsida)</i>	27	106	203
	Tổng cộng	172	608	1072

Nguồn: Đỗ Quang Huy (2013) và số liệu điều tra hiện tại.

Trong các loài thực vật tại đây có tới 72 loài cây có giá trị bảo tồn trong đó có 59 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam 2007, 22 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN 2012, 18 loài có tên trong Nghị định số 32/NĐ-CP 2006 và 37 loài đặc hữu.

Đối với mục đích phát triển DLST, một số cây/nhóm cây dưới đây có thể khai thác tiềm năng du lịch và cũng nên đưa vào các chương trình quảng bá du lịch và giới thiệu thông tin tại Trung tâm Du lịch và trên các tuyến du lịch như là nét đặc trưng của KBT.

Các loài cây có giá trị bảo tồn và đặc hữu

Du sam đá vôi và Thiết sam giả: Chỉ phân bố tại các đỉnh núi đá ở độ cao 600-900m thuộc địa phận xã Kim Hỷ trong KBT.

Các loài Lát hoa, Nghiến, Trai lý....: Phân bố khắp trong KBT ở độ cao từ 400-700m. Có thể gặp trên các tuyến du lịch xuyên rừng.

Các loài cây có giá trị cảnh quan

Các loài Đỗ quyên, Thông tre, Kim Giao, Muồng giàng giàng,...

Nhóm cây dược liệu: Theo số liệu thống kê thì trong KBT có khoảng 555 loài cây có giá trị dược liệu như Chân chim, Lá khô, Dây máu người, Lan kim tuyến, Bình vôi, Hà thủ ô, Ba gạc, Long cu li, Sa nhân,... KBT nên xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích để nhằm khai thác bền vững các loài cây dược liệu cũng như các loài LSNG khác theo đúng quy định của pháp luật nhằm mục tiêu bảo tồn và phát triển sinh kế cho người dân trong và ngoài KBT.

Nhóm cây cho lương thực, thực phẩm: Trong KBT có nhiều loài cho củ, quả và hạt như các loài Dẻ, Củ mài, Củ nâu, Sấu, Trám, Dọc, Tai chua, Sung, Rau sắng, Chân chim... Tương tự như các nhóm cây dược liệu, các loài này có thể dùng để phục vụ nhu cầu ăn uống của khách du lịch và sản xuất thành các thương phẩm đặc trưng cho vùng.

Tóm lại, trong KBT Kim Hỷ có nhiều loài cây có giá trị cảnh quan, dược liệu và thực phẩm. Đây là những nhóm loài có tiềm năng trong việc phát triển du lịch như cung cấp giá trị cảnh quan trên các tuyến du lịch và cung cấp

các đặc sản vùng miền. Trong thời gian tới, KBT cần nghiên cứu và xây dựng vườn bảo tồn thực vật. Kết hợp với các tuyến du lịch tham quan xuyên rừng thì Vườn thực vật cũng sẽ là điểm đến ưa thích của những du khách yêu thiên nhiên, của các nhà khoa học và học sinh-sinh viên quan tâm đến bảo tồn thực vật.

Tài nguyên động vật

Theo các kết quả điều tra thì hiện nay đã ghi nhận được 458 loài động vật thuộc 99 họ, 28 bộ thuộc các lớp thú, chim, bò sát và ếch nhái. Kết quả được tổng hợp trong bảng 2.

Bảng 2. Tổng hợp tài nguyên động vật KBTTN Kim Hỷ

Lớp động vật	Số bộ	Số họ	Tổng số loài	Số loài quý hiếm
Thú	8	26	99	29
Chim	16	50	256	14
Bò sát	2	14	64	18
Ếch nhái	2	8	39	6
Tổng cộng	28	99	458	67

Nguồn: Đỗ Quang Huy (2013) và số liệu điều tra hiện tại.

Trong các loài động vật trên thì có nhiều loài có giá trị bảo tồn. Theo thống kê thì hiện có 53 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam 2007; 24 loài có tên trong Danh sách Đỏ IUCN, 2012 và 34 loài được ghi trong Nghị định số 32/NĐ-CP năm 2006. Đặc biệt có 2 loài đặc hữu của Việt Nam là Hươu xạ và Ếch bắc bộ.

Nhìn chung, tài nguyên động vật của KBT Kim Hỷ rất phong phú. Có nhiều loài quý hiếm và độc đáo là tiềm năng cho phát triển loại hình du lịch và nghiên cứu. Tuy nhiên, trên khía cạnh phát triển du lịch thì các loài quý hiếm đặc biệt là các loài động vật như Voọc, Hươu xạ, Gấu, Hồng Hoàng,... sẽ phục vụ chủ yếu cho việc xây dựng hình ảnh của KBT không chỉ trong phạm vi quốc gia mà

còn cả trên thế giới. Còn các hoạt động ưu tiên khai thác tiềm năng động vật sẽ tập trung vào các loài mà cơ hội cho du khách bắt gặp cao. Các hoạt động có thể tổ chức trên tuyến du lịch bao gồm xem chim, soi thú ban đêm, du lịch kết hợp với nghiên cứu dơi trong các hang động.

3.2. Các cảnh quan nằm trong và xung quanh KBTTN Kim Hỷ có tiềm năng phát triển DLST

Thông qua quá trình điều tra thực địa kết hợp với phỏng vấn người dân, một số các cảnh quan có tiềm năng phát triển DLST đã được xác định và tổng hợp trong bảng 3.

Bảng 3. Thống kê các cảnh quan tự nhiên có tiềm năng phát triển DLST nằm trong và liền kề KBTTN Kim Hỷ

TT	Dạng cảnh quan	Vị trí	Tọa độ	Mô tả
11	Hang Minh Tinh	Bản Kẹ, xã Kim Hỷ	E0453891 N2463043	Chiều rộng cửa hang 30m, chia làm 3 ngăn, chiều cao khoảng 20m. Trong hang nhiều cột nhũ đá đẹp, có giá trị du lịch.
12	Hang Khuổi sáo 1	Bản Khuổi sáo, xã Kim Hỷ, Na Rì	E0449962 N2464397	Cửa hang rộng 20m, kéo sâu vào trong 200m, có nhiều nhũ đẹp.
13	Hang Khuổi sáo 2	Bản Khuổi sáo, Kim Hỷ, Na Rì	E0449755 N2464246	Cửa hang rộng 50m, bên trong cao khoảng 20m, sâu 40-50m. Hang có nhiều nhũ đẹp.
14	Hang Lũng Chang	Thôn Thảm Mu, xã Ân Tinh, Na Rì	E0455673 N2255515	Chiều dài cửa hang 20m, hang dài khoảng 100m. Đi sâu theo hướng xuống dưới thì có một số nhũ đá đẹp. Có nhiều loài dơi sống
15	Hang Dơi	Cao Sơn, huyện Bạch Thông	E0451776 N2455498	Trần hang cao 20-50m, rộng 20-50m, sâu 200m. Nhiều nhũ đẹp, có nhiều loài dơi sống
16	Hang Nậm Cào	Xã Côn Minh, huyện Na Rì	E0449264 N2448256	Hang dài khoảng 300m, có nhiều nhũ đẹp. Chỉ đi du lịch vào mùa khô vì mùa mưa nước trong hang chảy mạnh, cộng thêm đường vào hẹp và khó đi.
17	Thác Huổi Cải	Xã Côn Minh, huyện Na Rì	E0446364 N2449330	Độ cao thác 20m, rộng 20m. Có thể tắm và ngắm cảnh ở chân thác. Tuy nhiên đi lại hơi vất vả vì đi lên dốc và cách bản Cuôn khoảng 4km.
18	Đầu nguồn Suối Cải	Bản Cuôn, xã Côn Minh, huyện Na Rì		Suối cải dài khoảng 6km. Đầu nguồn có thác nhỏ và cảnh quan đẹp.
19	Thác Nà Đăng	Lương Thành, Kim Hỷ	E0461792/N 2460201	Cách trụ sở KBT gần 2km, đi lại thuận tiện vì nằm gần đường giao thông. Đây là một thác nước chảy từ đỉnh núi xuống với độ cao trên 100m.
110	Động Nàng Tiên	Nằm trong núi Phja Trạng, xã Lương Hạ, huyện Na Rì		Động Nàng Tiên ăn sâu vào lòng núi khoảng 60m, có độ cao từ 30m - 50m. Động được Bộ Văn hóa- Thông tin xếp hạng di tích cấp quốc gia từ năm 1999.

Trong các điểm trên thuộc KBTTN Kim Hỷ thì Động Minh Tinh, Hang Dơi (Hang Thấp Hang Cao) và khu vực đầu nguồn Suối Cải là có tiềm năng lớn nhất để khai thác thành các điểm đến chính của các tuyến du lịch sinh thái. Ngoài ra để thiết lập các tuyến DLST phục vụ việc phát triển đa dạng các hoạt động du lịch thì việc kết nối với các điểm duy lịch hấp dẫn ở các vùng xung quanh là rất cần thiết. Do vậy, trong nghiên cứu này cũng đề cập thêm một số điểm du lịch không nằm trong KBTTN Kim Hỷ như Động Nàng Tiên được Bộ Văn hóa-Thông tin xếp hạng di tích

cấp quốc gia từ năm 1999 (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 1999).

3.3. Phát triển bền vững du lịch sinh thái

KBTTN Kim Hỷ có tiềm năng về du lịch sinh thái, tuy nhiên hiện nay khu vực chưa có cơ sở hạ tầng và việc kết nối các điểm du lịch còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là vấn đề giao thông, đi lại. Do vậy, trong thời gian trước mắt KBT nên phát triển DLST theo hướng du lịch khám phá và mạo hiểm. Có thể tổ chức các tour du lịch xuyên rừng, kết hợp với khám phá văn hóa của các cộng đồng dân cư địa phương.

3.3.1. Tuyến du lịch dã ngoại thiên nhiên- thám hiểm kết hợp với tham quan tìm hiểu văn hóa địa phương

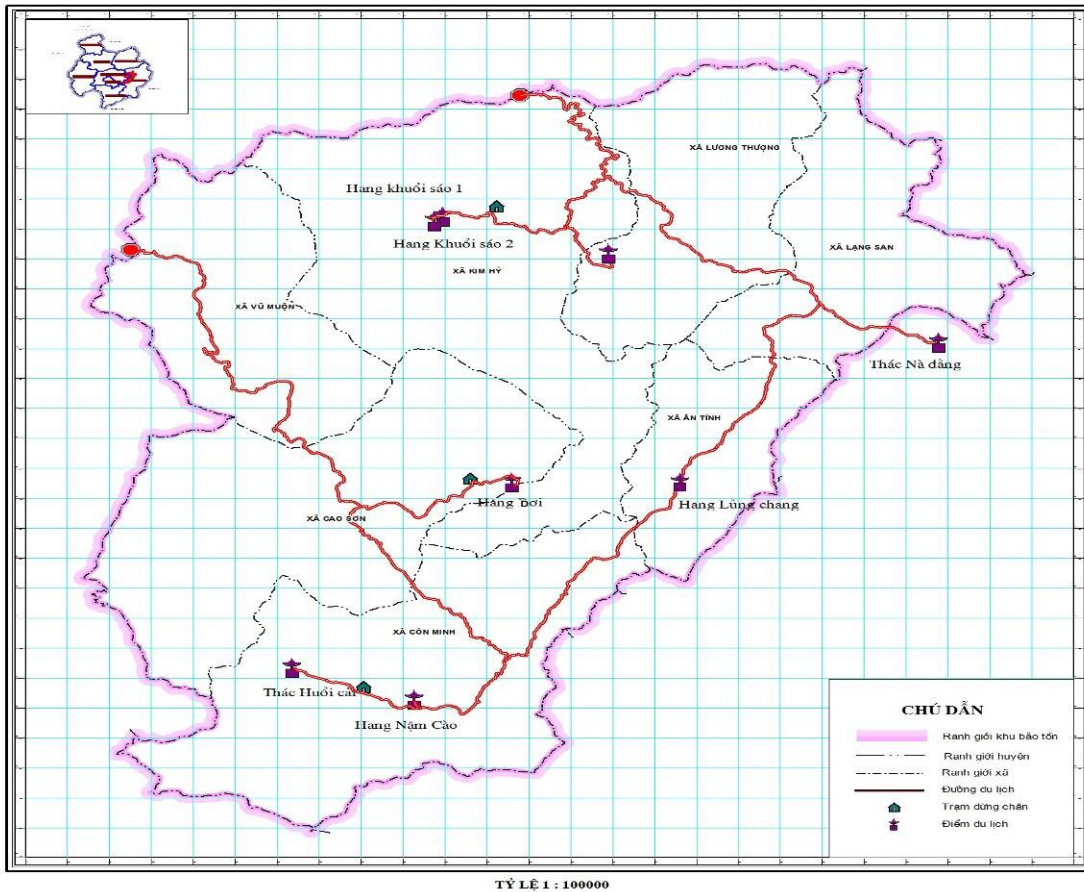
Quá trình điều tra thực địa thấy rằng tiềm năng lớn nhất của khu vực là khám phá hang động và thác nước. Do vậy các tuyến sẽ được bố trí để du khách có thể thưởng thức các cảnh quan này. Sơ đồ chung về các tuyến DLST được trình bày ở hình 1.

** Tuyến Trục sở BQL - Bản Kẹ - Hang Minh Tinh*

Tổng chiều dài tuyến: 13km

Du khách có thể di chuyển từ Kim Hỷ đến Bản Kẹ bằng ô tô, xe máy, xe đạp, khoảng 10km. Từ Bản Kẹ đi khoảng 3km theo đường mòn du khách có thể tham quan Hang Minh Tinh. Dọc chiều dài 3km xuyên rừng, du khách còn có thể ngắm cảnh rừng núi với đặc trưng là hệ sinh thái núi đá vôi và kết hợp quan sát chim và các loài thú ăn thịt nhỏ.

Sau khi tham quan hang xong, du khách có thể quay về thăm Bản Kẹ, tìm hiểu nền văn Hóa của người dân địa phương tại đây. Trong tương lai có thể phát triển hình thức "homestay" tại đây.



Hình 1. Sơ đồ tuyến du lịch tiềm năng KBTTN Kim Hỷ

** Tuyến Trục sở BQL - Thảm Mu xã Ân Tình - Hang Đồi*

Tổng chiều dài tuyến: 17km

Từ BQL KBT đi vào thôn Thảm Mu, xã Ân Tình khoảng 7km đường ô tô. Từ Thảm Mu đi

hang Đồi khoảng hơn 7km theo bản đồ (tương đương với khoảng hơn 10km thực địa) đường rừng với địa hình tương đối hiểm trở qua nhiều dòng núi dốc. Do vậy tuyến này chỉ phù hợp với những người thích du lịch mạo hiểm, muốn hòa mình và trải nghiệm qua đêm tại

rừng. Trên tuyến cũng có thể kết hợp với việc ngắm chim, thú và các loài thực vật.

* *Tuyến Cao Sơn - Lũng Cháp - Hang Dơi*

Tổng chiều dài tuyến: 9km

Từ thôn Lũng Cháp xã Cao Sơn đến Hang Dơi. Quãng đường di chuyển khoảng 9km. Đường đi qua nhiều sườn núi đá dốc. Thời gian đi khoảng 3h đồng hồ. Tuyến này có thể kết hợp làm đường du lịch và tuần tra rừng. Du khách có thể ngắm nhìn các loài thực vật đa dạng ở dọc tuyến, quan sát các loài chim và thưởng thức tiếng hót của chúng. Nếu may mắn thỉnh thoảng du khách cũng có thể quan sát các loài thú ăn thịt nhỏ trên tuyến.

* *Tuyến Côn Minh - Hang Bản Cuôn - Đầu nguồn Suối Cải*

Tổng chiều dài tuyến: 6-7km

Khu vực đầu nguồn Suối Cải thuộc Bản Cuôn, xã Côn Minh, huyện Na Rì. Từ Côn Minh di chuyển đến Hang Bản Cuôn với quãng đường khoảng 3km. Từ Hang Bản Cuôn đến đầu nguồn suối Cải cũng khoảng 3km. Khu vực đầu nguồn này có thác nhỏ và cảnh quan đẹp có tiềm năng xây dựng thành điểm DLST với các hoạt động như: Cắm trại, ngắm cảnh...

Kết hợp với việc ngắm cảnh du khách có thể tham quan Côn Minh và thưởng thức các món ăn dân gian và đặc biệt là đặc sản miến dong Côn Minh.

3.3.2. *Tuyến kết nối*

Có thể tổ chức các tour du lịch kết nối với các địa điểm du lịch nổi tiếng khác nằm xung quanh khu bảo tồn như:

* *Tuyến Hồ Ba Bể - Phủ Thông - Hang Dơi:* Với tổng chiều dài là 80km.

* *Tuyến Hồ Ba Bể - Kim Hỷ - Động Minh Tinh:* Tổng chiều dài tuyến: 130km.

3.4. Định hướng và giải pháp đề xuất phát triển DLST ở KBTTN Kim Hỷ

3.4.1. *Đánh giá điểm mạnh - điểm yếu - cơ hội và thách thức trong phát triển DLST ở KBTTN Kim Hỷ*

* Những điểm mạnh: KBTTN Kim Hỷ vẫn đang lưu giữ được hiện trạng nguyên sơ của thiên nhiên kỳ thú. Với đặc điểm là hệ thống núi đá vôi, thiên nhiên đã ban tặng cho huyện Na Rì nói chung và KBTTN Kim Hỷ nói riêng nhiều thắng cảnh đẹp như Động Nàng Tiên, Hồ Huồi Khe, Hang Tháp Hang Cao,... Ngoài ra khu vực cũng là nơi phân bố và cư trú của nhiều loài động, thực vật quý hiếm như Du sam đá vôi, Thiết sam giả, Voọc đen má trắng, hươu xạ, các loài Dơi,... chính vì vậy từ đó đã tạo lập được hình ảnh của mình không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn cả trên thế giới.

* Những điểm yếu: Các hoạt động du lịch hầu như chưa được đầu tư và triển khai từ trước đến nay. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn thiếu đặc biệt là giao thông đi lại, cơ sở lưu trú và các dịch vụ hỗ trợ khác. Các sản phẩm du lịch gần như giống nhau giữa các tuyến. Nguồn nhân lực hiện tại thiếu và hạn chế cả về mặt năng lực, trang thiết bị và ngân sách để thực hiện hiệu quả công tác quản lý bảo tồn cũng như phát triển DLST. Chưa xây dựng được BQL KBT cũng như là Trung tâm du lịch.

* Cơ hội: Nhu cầu về du lịch ngày càng tăng. KBTTN Kim Hỷ nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ đặc biệt là trong Công tác bảo tồn ĐDSH kết hợp với DLST.

* Thách thức: Tình trạng khai thác rừng và LSNG trái phép tuy không công khai nhưng vẫn diễn ra thường xuyên. Nạn khai thác vàng vẫn còn tiếp diễn.

3.4.2. Định hướng phát triển DLST ở KBTTN Kim Hỷ

Các định hướng cụ thể cho việc phát triển DLST ở KBTTN Kim Hỷ được dựa trên cơ sở phân tích tiềm năng, hiện trạng, điểm mạnh-điểm yếu-cơ hội và thách thức của KBT trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Kạn và huyện Na Rì đến năm 2020 đã được phê duyệt và theo quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng bền vững KBTTN Kim Hỷ giai đoạn 2012-2020 theo Nghị định số 117/2010/NĐ-CP, năm 2010 của Chính phủ.

Định hướng sản phẩm du lịch và thị trường khách du lịch

Căn cứ đặc điểm và thị hiếu của khách quốc tế và trong nước cũng như khả năng phát triển sản phẩm của KBT, định hướng phát triển sản phẩm tương ứng cho từng thị trường khách như sau: Thị trường khách quốc tế quan tâm đến những sản phẩm du lịch sinh thái đích thực (kết hợp du lịch với tìm hiểu và nghiên cứu) trong khi đó khách nội địa thì quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm du lịch có tính tham quan hơn là tìm hiểu và nghiên cứu.

Một số sản phẩm du lịch cần định hướng phát triển bao gồm:

- (1) Du lịch mạo hiểm, tham quan thắng cảnh (hang động, rừng nguyên sinh trên núi đá vôi)
- (2) Du lịch sinh thái, nghiên cứu đa dạng sinh học
- (3) Du lịch văn hóa cộng đồng (homestay)

Định hướng phát triển các tuyến tham quan

Tập trung vào xây dựng các tuyến du lịch xuyên rừng vào tham quan các hang động trong KBT như Tuyến Kim Hỷ - Bản Kẹ - Hang Minh Tinh; Tuyến Cao Sơn - Lũng Cháp - Hang Dơi; Tuyến Kim Hỷ - Thảm Mu xã Ân Tình - Hang Dơi.

Cần mở rộng các tuyến du lịch kết nối đến Ba Bề, Động Nàng Tiên và Khu ATK. Trong báo cáo quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội của Huyện Na Rì đến 2020 đã nêu rõ định hướng “*Không gian du lịch Na Rì sẽ tập trung vào các khu vực thị trấn Yên Lạc - động Nàng Tiên, khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ và hồ sinh thái Khuổi Khe*”.

Định hướng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ DLST

Cần thành lập Ban Quản lý KBTTN Kim Hỷ và thực hiện việc xây dựng Phân khu Hành chính - dịch vụ trong đó có Trung tâm du lịch theo quy hoạch đã được phê duyệt. Cần tập trung xây dựng kế hoạch truyền thông và du lịch cho KBT. Xây dựng các công trình phục vụ du lịch như ăn uống và bán đồ lưu niệm.

Định hướng khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch

Theo báo cáo của KBTTN Kim Hỷ, 2012, khu vực có 5 dân tộc chủ yếu sinh sống là Tày, Nùng, Dao, Kinh, H'Mông, trong đó người dân tộc Tày và Dao là chiếm đa số. Có 61 thôn bản thuộc 7 xã trong Khu bảo tồn với 2.601 hộ và 11.283 nhân khẩu. Trong đó: 10 thôn nằm trong khu bảo tồn = 297 hộ = 1.357 nhân khẩu, cụ thể:

Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có 5 thôn = 104 hộ = 498 nhân khẩu.

Phân khu phục hồi sinh thái có 5 thôn = 193 hộ = 859 nhân khẩu.

Đa phần đời sống của người dân ở đây còn khó khăn nên các hoạt động khai thác trái phép và nạn đào vàng còn tiếp diễn. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học cũng như tới tài nguyên du lịch. Do vậy khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động du lịch là rất cần thiết. Một số hoạt

động liên quan đến du lịch mà người dân tại đây có thể tham gia nếu du lịch được phát triển, bao gồm: Làm hướng dẫn viên hướng dẫn khách tham quan; sản xuất và cung cấp thực phẩm tại chỗ cho khách du lịch, sản xuất và bán hàng lưu niệm; cung cấp dịch vụ du lịch và giải trí cho du khách; sản xuất và cung cấp dịch vụ ăn uống cho khách với các món ăn đặc sản địa phương (các loại thịt lợn quay, xôi,...).

Định hướng giáo dục môi trường

Mở các lớp tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học và phòng chống cháy rừng cho người dân địa phương; Xây dựng các bản nội quy bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, cảnh quan tại các điểm dân cư, trường học, lễ hội. Phát triển trung tâm du lịch thành một trung tâm giáo dục môi trường nhằm mục đích cung cấp thông tin một cách đầy đủ về KBT, lồng ghép những nội dung về bảo vệ môi trường trong các hoạt động du lịch; Nâng cao trình độ cho đội ngũ hướng dẫn viên; Xây dựng các tài liệu giới thiệu về đa dạng sinh học và về các loài động, thực vật quý hiếm có trong KBT như sách, tờ rơi, áp phích, đồ lưu niệm (tranh ảnh, mũ, áo và các đồ khác); Khuyến khích các hoạt động ngoại khóa của học sinh các cấp hướng tới việc tìm hiểu thiên nhiên và bảo vệ môi trường...

4.4.3. Một số giải pháp thực hiện

* *Giải pháp về quản lý*: Cần thành lập Ban Quản lý KBT và từ đó thành lập Trung tâm Du lịch hoặc Trung tâm Du khách. Cần xây dựng quy hoạch phát triển du lịch ở KBT và các kế hoạch hành động trước mắt, trung hạn và dài hạn và quản lý các hoạt động du lịch theo đúng quy hoạch. Ban hành các nội quy, quy định và hướng dẫn thủ tục hành chính đối với các hoạt

động du lịch. Hướng tới việc liên kết với các điểm du lịch khác trong tỉnh để hình thành tour du lịch trọn gói nhằm khắc phục tính mùa vụ.

* *Giải pháp về cơ chế chính sách*: Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước được trực tiếp hoặc cùng hợp tác khai thác, đầu tư, kinh doanh du lịch. Khuyến khích việc cho thuê môi trường rừng. Khuyến khích các thành phần tham gia kinh doanh du lịch trên địa bàn hỗ trợ nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn. Cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút nhà đầu tư. Hỗ trợ vốn ban đầu cho người dân khi họ cam kết tham gia hoạt động du lịch.

* *Giải pháp về đào tạo*: Tiếp tục mở các lớp tập huấn ngắn hạn cho cán bộ và nhân viên trong KBT và đặc biệt là cán bộ liên quan đến du lịch về các vấn đề du lịch sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học. Nhận và đào tạo cho người dân địa phương mong muốn làm hướng dẫn viên. Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, nhân viên. Tổ chức các chuyến đi thực tế đến các điểm DLST khác để cán bộ, nhân viên có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm làm du lịch.

* *Giải pháp về tiếp thị*: Hiện nay ở KBT hầu như chưa có các ấn phẩm giới thiệu về KBT, sách hướng dẫn du lịch, do vậy cần tăng cường phát hành các ấn phẩm này. Nếu chưa có nguồn vốn thì trước mắt có thể phát hành các tờ rơi giới thiệu về KBT, về đa dạng sinh học, các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu và về các điểm du lịch hấp dẫn như các cảnh quan tự nhiên đẹp (Hang Minh Tinh, Hang Dơi...) và lễ hội truyền thống. Xây dựng Website của KBT nhằm quảng bá hình ảnh của KBT một cách rộng rãi. Xây dựng kế hoạch truyền thông để phát triển DLST. Khi DLST đã phát triển thì cần xây dựng kế hoạch thăm dò ý kiến

khách tham quan để đánh giá những mặt mạnh, yếu nhằm có định hướng tiếp thị cũng như điều chỉnh kịp thời.

* *Giải pháp về hợp tác đầu tư*: Tăng cường liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước về nghiên cứu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm trong quy hoạch, quản lý và vận hành du lịch sinh thái. Kêu gọi đầu tư từ Chính phủ, các doanh nghiệp, cá nhân để phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển DLST. Hợp tác nghiên cứu với các tổ chức quốc tế và trong nước về bảo tồn ĐDSH trong đó tập trung vào các loài quý hiếm như Du sam đá vôi, Thiết sam giả, Hươu xạ, Linh trưởng, Dơi... qua đó cũng góp phần phát triển cộng đồng và phát triển DLST. Tăng cường liên kết với các trường đại học và cơ quan nghiên cứu để phối hợp nghiên cứu, tổ chức hội thảo và cung cấp địa bàn thực tập cho sinh viên các trường.

IV. KẾT LUẬN

- KBTTN Kim Hỷ có tiềm năng để phát triển DLST. Đã xác định được các nhóm thực vật và động vật, và 10 dạng cảnh quan có tiềm năng

phát triển DLST tại KBT. Các thắng cảnh đẹp như Động Nàng Tiên, Hang Thấp Hang Cao, Thác Nà Đăng...

- Các loại hình du lịch có tiềm năng lớn nhất đó là du lịch mạo hiểm, tham quan thắng cảnh (hang động, rừng nguyên sinh trên núi đá vôi) và du lịch sinh thái, nghiên cứu đa dạng sinh học.

- Thiết kế được 4 tuyến chính và 2 tuyến kết nối cho du lịch dã ngoại thiên nhiên - thám hiểm kết hợp với tham quan tìm hiểu văn hóa địa phương. Các tuyến DLST tiềm năng bao gồm các tuyến đi tham quan Hang Minh Tinh, Hang Thấp Hang cao (Hang Dơi), đầu nguồn Suối Cải. KBT cũng cần chú trọng liên kết với các điểm du lịch hấp dẫn trong tỉnh như Hồ Ba Bể và Động Nàng Tiên để xây dựng các tuyến kết nối phục vụ cho việc phát triển DLST.

- Năm giải pháp chính để phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tạo điều kiện cho người dân nghèo trong và ngoài KBT cải thiện đời sống: Giải pháp về quản lý, về cơ chế chính sách, về đào tạo, về tiếp thị và giải pháp về hợp tác đầu tư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, 2012. Báo cáo tóm tắt về Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kim Hỷ - Bắc Kạn, Bắc Kạn
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách đỏ Việt Nam (Phần I và II). NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
3. Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2011. Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ NN và PTNT về hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;
4. Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên, 2006. Du lịch sinh thái. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Đỗ Quang Huy, 2013. Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2012 - 2020, Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn, Bắc Kạn.
6. Vương Văn Quỳnh, 2002. Nghiên cứu ảnh hưởng của du lịch đến bảo vệ môi trường ở vườn quốc gia. Đề tài Bộ NN&PTNT, Hà Nội.
7. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2010. Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

8. Tổng cục Du lịch Việt Nam, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới, Ủy ban Kinh tế - Xã Hội Châu Á - Thái Bình Dương, 1999. Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam. Tuyển tập báo cáo hội thảo quốc tế, Hà Nội,
9. Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2006. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ thời kỳ 2000 - 2020. Hà Nội.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, 2010. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Bắc Kạn.
11. Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, 2010. Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, Bắc Kạn.

Người thẩm định: GS.TS. Võ Đại Hải